| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 10- PHÚ THỌ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 40 /2026/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 4 năm 2026
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10- PHÚ THỌ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Vũ Thị Vân Hồng

*Các Hội thẩm nhân dân*: - Ông Nguyễn Ngọc Triển;

- Bà Vũ Thị Thanh Hương.

***Thư ký phiên toà***: Bà Đặng Thị Thúy, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 10- Phú Thọ.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Phú Thọ tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thoa, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10- Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2025/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46 /2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 6 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Khuất Vĩnh T, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn X, xã V, tỉnh Phú Thọ, có mặt.

Bị đơn: Chị Mai Thị V, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn X, xã V, tỉnh Phú Thọ, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/11/2025 và những lời khai trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Khuất Vĩnh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Mai Thị V kết hôn với nhau vào ngày 15/01/2014, có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã Vĩnh Ninh, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc cũ nay là xã Vĩnh Phú, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc lừa rối. Sau khi kết hôn chị V về sống chung cùng gia đình anh T. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng đến khoảng 7/2024 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng sống ly thân từ tháng

11/2025 đến nay, trong suốt quá trình ly thân vợ chồng cắt đứt mọi liên lạc, không ai quan tâm đến ai. Nay, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị V.

Về con chung: Anh và chị Vinh có 2 con chung là cháu Khuất Thị N, sinh ngày 18/6/2014 và cháu Khuất Thị Phương T, sinh ngày 02/11/2016. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng anh. Ly hôn, anh xin được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cả 2 con và không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Phía bị đơn là chị Mai Thị V vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai và hòa giải chị trình bày và xác nhận: Chị thừa nhận về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống như anh T trình bày là đúng. Năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T đi làm thường xuyên không về nhà không gửi tiền về nuôi con và có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác ở bên ngoài về nhà thì ngày càng đối xử lạnh nhạt với chị nên vợ chồng xảy ra cãi nhau. Gần đây nhất là khoảng 11/2025 thì vợ chồng xảy ra cãi nhau nên chị về nhà mẹ đẻ sinh sống đến nay. Trong suốt thời gian đó đến nay thì vợ chồng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm và chị có điện thoại để nói chuyện với anh T nhưng anh T không nghe máy nhất quyết đòi ly hôn chị. Nay anh T xin ly hôn, chị không đồng ý do vẫn còn tình cảm với anh T.

Về con chung: Chị xác định quá trình chung sống vợ chồng chị có 02 con chung như anh T trình bày là đúng. Hiện nay cả hai con đang ở với anh T. Trường hợp anh T nhất quyết xin ly hôn, chị đồng ý cho anh T nuôi cả hai con và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác và công sức: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Phú Thọ phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho Anh Khuất Vĩnh T được ly hôn chị Mai Thị V. Về con chung: Giao cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Khuất Thị N, sinh ngày 18/6/2014 và cháu Khuất Thị Phương T, sinh ngày 02/11/2016. Chị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Khuất Vĩnh T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Mai Thị V, chị V có địa chỉ thường trú tại: Thôn Xuân Chiểu, xã Vĩnh Phú, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10- Phú Thọ theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong vụ án này, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt chị V theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Khuất Vĩnh T và chị Mai Thị V kết hôn trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn do luật định nên quan hệ hôn nhân này là hợp pháp. Trong quá trình chung sống tình cảm vợ chồng bình thường sau đó phát sinh mâu thuẫn. Theo anh T khai nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Theo chị V nguyên nhân là do anh T đi làm thường xuyên không về nhà, không gửi tiền về nuôi con và có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác ở bên ngoài, về nhà ngày càng đối xử lạnh nhạt với chị nên vợ chồng xảy ra cãi nhau. Gần đây nhất là khoảng 11/2025 thì vợ chồng xảy ra cãi nhau nên chị bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống đến nay. Phía chị V không đồng ý ly hôn nhưng trong quá trình ly thân chị tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống ly thân, anh T không hỏi thăm cũng như không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy giữa anh T và chị V không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau, điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị V là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho anh T và chị V được ly hôn là phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Anh T và chị V đều thừa nhận họ có 02con chung là cháu Khuất Thị N, sinh ngày 18/6/2014 và cháu Khuất Thị Phương T, sinh ngày 02/11/2016. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng anh T. Ly hôn, anh T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cả 2 con và không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T. Xét thấy, cháu N và cháu T đều có nguyện vọng ở với anh T. Hơn nữa chị V cũng đồng ý để anh T nuôi cả 2 con. Vì vậy, cần giao cháu N và cháu T cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản, công nợ, công sức và đất canh tác: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Anh Khuất Vĩnh T được ly hôn chị Mai Thị V.

2. Về con chung: Giao cho anh Khuất Vĩnh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Khuất Thị N, sinh ngày 18/6/2014 và cháu Khuất Thị Phương T, sinh ngày 02/11/2016 (Hiện cháu N và cháu T đang ở cùng anh T), chị Mai Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh T. Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở, gây khó khăn.

3.Về án phí: Anh Khuất Vĩnh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005439 ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

4.Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Vân Hồng**

**Nơi nhận:**
- VKSND khu vực 10- Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
-UBND xã Vĩnh Phú- Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.